

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày 26 tháng 7 năm 2022

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Long

2. Ông Lê Văn Đỗ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33 /2021/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 28/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-DS ngày 27/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST - DS ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thùy B**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Thúy N**, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị Thùy B trình bày:

Chị và chị Nguyễn Thị Thúy N là đồng nghiệp với nhau nên chị N có hỏi chị vay tiền. Ngày 22/01/2020 chị có cho chị N vay số tiền là 50.000.000đ, chị N có viết giấy biên nhận vay tiền, sau đó chị có cho chị N vay thêm nhiều lần nhưng không viết giấy tờ gì, đến ngày 25/01/2020 chị lại cho chị N vay thêm 15.000.000đ nữa và chị N có viết giấy nợ vào tờ giấy ngày 22/01/2020. Tổng số tiền mà chị cho chị N vay là 78.000.000đ, trong giấy biên nhận vay tiền chị N viết có tên chồng chị N nhưng chị xác nhận chồng chị N không liên quan gì, không biết gì đến việc vay tiền này, chỉ là

chị N tự ký vào đó làm tin. Hai bên thỏa thuận nhau 1 tháng trả tiền, nhưng từ đó đến nay chị đã đòi chị N nhiều lần nhưng chị N không trả, nay chị yêu cầu chị N phải trả cho chị số tiền gốc là 78.000.000đ, số tiền trên chị không yêu cầu tính lãi kể từ thời điểm vay cho đến nay.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày:

Chị xác nhận chị và chị B là đồng nghiệp với nhau như chị B trình bày, chính vì vậy chị đã vay chị B tiền nhiều lần, Ngày 22/01/2020 chị có vay 50.000.000đ sau đó vay nhiều lần nữa tổng số tiền vay là 78.000.000đ, chị có viết giấy biên nhận vay tiền cho chị B (bản gốc chị B đã giao cho Tòa án), khi viết giấy có tên chồng chị, chị xác nhận đó là do chị tự viết để cho chị B tin tưởng chứ chồng chị không liên quan gì đến việc vay nợ này, bản thân chị vay để trang trải nợ riêng của chị không liên quan gì đến gia đình. Hai bên thỏa thuận nhau khoảng 1 tháng thì trả, nhưng sau đó hai bên thống nhất với nhau chị trả dần cho chị B số nợ mà chị B đã vay ở Ngân hàng hợp tác, tổng thời gian chị đã trả nợ hộ chị B từ T12/2019 đến T2/2021 cho Ngân hàng Hợp tác là 45.171.000đ nay chị còn nợ lại chị B số tiền là 38.195.000đ. Do là đồng nghiệp với nhau nên chị cũng có nói với chị B không cần đưa ra Tòa án chị sẽ có trách nhiệm trả đủ số tiền 78.000.000đ và sẽ trả dần, nhưng nay chị B đã đưa ra Tòa án giải quyết chị đề nghị số tiền chị trả cho Ngân hàng hợp tác tính cho chị là 28.000.000đ còn lại số tiền 50.000.000đ chị sẽ có trách nhiệm trả cho chị B nhưng mỗi tháng 1.000.000đ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên pháp biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 195, 196, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự.

- Chấp nhận đơn khởi kiện, buộc chị Nguyễn Thị Thúy N phải thanh toán nợ cho chị Nguyễn Thị Thùy B số tiền 78.000.000đồng (Bảy mươi tám triệu đồng) và không phải trả lãi do chị B không yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo Điều 147 BLTTDS; căn cứ Điều 26, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí thì chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 01/11/2021 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy B tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị Thúy N cư trú tại khu 6, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của Nguyên đơn: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy B có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Do vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt chị B.

[4] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thùy B trình bày có cho chị Nguyễn Thị Thúy N vay tổng số tiền là 78.000.000đ, vay làm nhiều lần và có hai lần viết giấy vào ngày 20/01/2020 và 25/01/2020, mục đích vay dùng vào việc cá nhân của chị N. Hai bên thống nhất với nhau bằng lời nói thời hạn vay khoảng 1 tháng. Nhưng sau đó chị N không trả nên chị B đòi chị N nhiều lần nhưng chị N vẫn không trả. Về phía bị đơn xác nhận có vay của chị B số tiền là 78.000.000đ như chị B khai, quá trình vay và viết giấy biên nhận vay tiền đúng như chị B khai, thời gian hẹn trả cũng đúng như chị B khai, giấy biên nhận vay tiền bản gốc chị B đã nộp cho Tòa án là đúng bản chị đã viết nhưng chị cho rằng chị đã thỏa thuận với chị B chị có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng hợp tác thay chị B để trừ dần vào khoản nợ này.

Tòa án nhân dân huyện T đã ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 33/2021/QĐ – CCTLCC ngày 27/12/2021 yêu cầu chị N chứng minh đã trả cho chị B số tiền 45.171.000đ như chị khai, trong suốt quá trình từ đó đến nay chị cũng không cung cấp được gì, Tòa án cũng đã báo gọi chị Phan Thị Hà làm việc nhưng chị Hà cũng chỉ xác nhận có thu số tiền nợ Ngân hàng hộ chị B qua chị N còn việc là tiền của ai chị không biết. Tòa án quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 33/2022/QĐ – CCTLCC ngày 08/4/2022 yêu cầu Ngân hàng Hợp tác về việc vay nợ của chị N và chị B tại Ngân hàng Hợp tác. Ngân hàng đã có Công văn trả lời, nội dung các khoản vay của chị N và chị B là theo đúng quy định pháp luật, chị N và chị B đã trực tiếp thanh toán khoản nợ trên không có sự trả hộ nhau.

Như vậy, việc chị N khai trả thỏa thuận trả thay cho chị B ở Ngân Hàng hợp tác là không có cơ sở nên không chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy B, buộc chị N phải trả cho chị B số tiền gốc đã vay là 78.000.000đ. Số tiền trên chị B không yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến nay nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bên nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 ; Khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463; 466, 470 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy B.

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy N phải trả cho chị Nguyễn Thị Thùy B số tiền gốc là 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng). Chị B không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy B số tiền 1.950.000đ (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2020/0005473 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Kim Nguyên

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày 27 tháng 5 năm 2022

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phùng Thị Ái Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Khắc Long**

2. Bà Lê Thị Hà

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 33 /2022/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thùy B**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Thúy N**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu 6, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

II. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463; 466, 470 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

II. Về nội dung:

[1] Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy B.

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy N phải trả cho chị Nguyễn Thị Thùy B số tiền gốc là 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng). Chị B không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi

đổi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

III. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy B số tiền 1.950.000đ (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2020/0005473 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 27 tháng 5 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

